

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG - NHÌN TỬ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

PHAN HÙNG THU* - LÊ THÁI HUNG**

Ngày nhận bài: 21/09/2016; ngày sửa chữa: 26/09/2016; ngày duyệt đăng: 26/09/2016.

Abstract: Studies on quality assurance, the training program and management of high school teacher training under quality assurance have been considered by advanced countries such as America, Swiss and Singapore. Based on international experiences, article analyses situation of teacher training in Vietnam and points out appropriate experiences learned from advanced educations to apply to Vietnam today.

Keywords: Training management, high school teachers, international experiences.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, quản lý đào tạo (QLĐT) theo tiếp cận đảm bảo chất lượng, trong đó có các chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên (GV) được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm. Chính vì vậy, các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng đào tạo (ĐT), CTĐT, QLĐT nói chung và những nghiên cứu về đào tạo giáo viên (ĐTGV) rất được thế giới quan tâm. Ở Việt Nam, trong bối cảnh hiện nay về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT theo tinh thần Nghị quyết số 29 thì việc tiếp cận các mô hình QLĐT từ các nước tiên tiến là thực sự cần thiết đối với quá trình QLĐT GV trung học phổ thông (THPT) ở nước ta hiện nay. Bài viết phân tích một số nghiên cứu trên thế giới về quản lý ĐTGV THPT và một vài mô hình QLĐT theo hướng tiếp cận này.

2. Về mô hình ĐT và chuẩn đầu ra trong ĐTGV THPT

Vlatka Domović và Vlasta Vizek Vidović khi viết về phát triển văn hóa chất lượng trong ĐTGV ban đầu ở Croatia đã đề cập tới hai nghiên cứu lớn trong hàng loạt dự án từ 2004 ở nước này, sau tiến trình Bologna và phục vụ cho dự án cải cách và phương pháp luận phát triển nội dung chương trình: Phát triển mô hình ĐTGV liên tục (2003-2005) và *Chuẩn đầu ra trong ĐTGV ban đầu* (2008-2009).

Nghiên cứu phát triển mô hình ĐTGV liên tục bao gồm các cấp độ phân tích khác nhau: lý luận, so sánh và thực nghiệm, sử dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng; kết quả được sử dụng làm nền tảng thực nghiệm nhằm đề xuất các thay đổi và phát triển ý nghĩa hơn trong ĐTGV chủ nhiệm và GV các môn học.

Kết quả cho thấy, phần lớn GV và học viên đều đề nghị cần đổi mới CTĐT GV ban đầu và ĐT nâng cao,

trong đó chú trọng tới khoa học giáo dục (GD), những tiếp cận mới như công nghệ thông tin và tập trung hơn vào thực tập tại cơ sở trường học. Các học viên năm cuối nhấn mạnh sự cần thiết phải chú trọng hơn vào các kĩ năng giao tiếp, hợp tác với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp, thêm các học phần khoa học GD trong ĐT sau đại học (ĐH).

3. Về nội dung chương trình học

Dựa trên nghiên cứu so sánh của Rasmussen và Bayer về nội dung các CTĐT GV cho hệ tiểu học và trung học cơ sở ở Canada, Phần Lan, Singapore (các nước đạt điểm cao trong các hệ thống đánh giá quốc tế như PISA và TIMMS) và Đan Mạch (đạt điểm trung bình), nghiên cứu so sánh giữa các học phần thuộc về sư phạm, toán, và khoa học. Có ba kết quả chính thu được: 1) Các kiến thức chuyên môn mang tính triết lý có vị trí rất quan trọng trong hệ thống lý thuyết của các CTĐT GV ở Đan Mạch, khác với ba quốc gia còn lại; 2) Các chương trình của Canada và Singapore thường sử dụng các kiến thức dựa trên nghiên cứu kết hợp với hệ thống lý luận trong định hướng thực tế và hướng dẫn thực tập, trong khi Đan Mạch và Phần Lan tách riêng các phần này; 3) Chỉ riêng Phần Lan (tại trường ĐH Helsinki) có kết hợp tổng quan lý luận trong học phần phương pháp nghiên cứu, thuộc nhóm các kiến thức liên quan đến thực hành khoa học.

Nghiên cứu của Trường Haapsalu, ĐH Tallinn (2010) ở Estonia nhằm xác định *những vấn đề chính đối với các GV* vừa bắt đầu đứng lớp; họ cảm nhận về

* Trường Đại học Vinh

** Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

sự thành công trong nghề nghiệp như thế nào; họ đánh giá các kiến thức chuyên môn mình học được tới đâu và họ đã áp dụng các kiến thức và kĩ năng sư phạm tới mức độ nào trong hai năm đầu của mình. Nghiên cứu đưa ra khuyến nghị cho cơ sở ĐTGV nên điều chỉnh nội dung giảng dạy trong bối cảnh phù hợp với các nhu cầu đặc biệt và các khác biệt trên cơ sở giới của các học viên.

Nghiên cứu điều chỉnh ĐTGV (Tuning Teacher Education) đã điều tra trên 2354 GV, học viên ngành sư phạm ở Bosnia, Herzegovina, Croatia, Macedonia, Montenegro và Serbia về *mức độ quan trọng của các năng lực cần thiết cho GV*. Nghiên cứu với mục tiêu xác định các tiêu chuẩn năng lực cần thiết cho GV để làm nền tảng xây dựng chương trình và nội dung học phần trong ĐTGV. Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi gồm các câu hỏi “đóng” và “mở” để khách thể đánh giá về mức độ CTĐT ban đầu đã đóng góp cho sự phát triển năng lực cá nhân nhằm phục vụ cho quá trình thực hành nghề.

Xét trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nghiên cứu của IRA, báo cáo cho UNESCO năm 2008 đã thống kê và phân tích thực trạng các cấu trúc, chính sách, quy trình và việc thực hành ĐTGV ở khu vực. Báo cáo đề cập tới một số vấn đề của 25 quốc gia cũng như tầm nhìn trong tương lai. Nhìn chung, các quốc gia trong khu vực có một số điểm đồng nhất như sau:

- Mỗi quốc gia đều có Bộ GD (tuy quyền hạn và tầm ảnh hưởng khác nhau tùy vào cơ cấu nhà nước), có các cơ sở ĐTGV công và tư, nhưng chất lượng cơ sở vật chất, khoa, nội dung bản chất chương trình có sự chênh lệch.

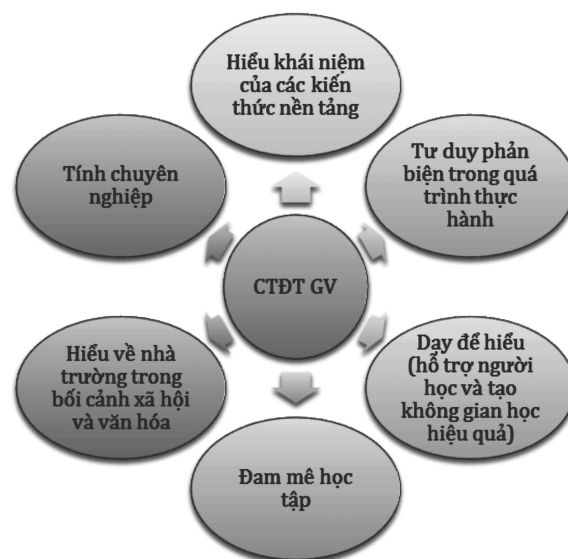
- ĐTGV đều là ưu tiên hàng đầu ở tất cả các quốc gia trên, nhưng định nghĩa về chất lượng GV thì lại có sự khác biệt.

- Các quốc gia đều có CTĐT GV chuyên biệt; ở một số nước tối thiểu là 4 năm cử nhân, ở một số nhỏ khác là 2 năm sau ĐT phổ thông. Hầu hết các quốc gia, ĐT nâng cao cho GV ít được chú trọng hơn.

- ĐTGV là một quy trình năng động, liên tục đổi mới về cấu trúc và nội dung nhằm ĐT các kiểu GV phục vụ những nhu cầu mới của xã hội và thích ứng tốt với sự thay đổi của chương trình GD. Tiêu biểu cho những năng lực mới mà GV cần được trang bị như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

Từ những khái niệm ĐTGV trên có thể thấy mỗi định nghĩa đều ít nhiều phản ánh bối cảnh riêng của

nền GD và đặc điểm kinh tế - văn hóa - xã hội của từng khu vực, nhưng tựu chung đều xác định ĐTGV là một chương trình nhằm mục đích phát triển chuyên môn và năng lực của GV, nhằm giúp họ đạt được những yêu cầu của nghề nghiệp. ĐTGV hỗ trợ quá trình phát triển bản thân của từng cá nhân, bắt đầu từ quá trình chuẩn bị để họ trở thành GV và xuyên suốt thời gian họ hoạt động trong lĩnh vực GD (xem sơ đồ 1).



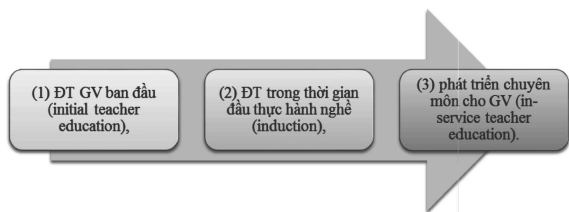
Sơ đồ 1. Yêu cầu chương trình ĐTGV

3.1. Về mặt cấu trúc: ĐTGV cần được nhìn nhận như một tiến trình liên tục, tích hợp năm yếu tố có liên hệ chặt chẽ với nhau: *hướng tới các nhu cầu học tập của GV; các hệ thống trợ giúp; sự nghiệp; tổ chức các cấp độ năng lực; ảnh hưởng của nền văn hóa học đường.*

Theo Perraton (2002), ĐTGV phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau: - Giúp GV học cách phát triển tiềm năng của học sinh; - Làm hình mẫu cho học sinh; - Chuyển biến nền GD và thông qua đó đổi mới xã hội; - Nâng cao sự tự tin vào bản thân và tinh sáng tạo. Một số nhà GD còn kì vọng GV tương lai phát triển một thái độ phù hợp với nghề nghiệp của mình. Để đáp ứng những nhiệm vụ này, ĐTGV phải bao gồm bốn thành tố: - Tạo nền tảng GD cơ bản cho giáo sinh; - Nâng cao kiến thức và vốn hiểu biết về môn học mà họ sẽ dạy; - ĐT sư phạm và hiểu biết về trẻ em và quá trình học tập; - Phát triển các kĩ năng và năng lực trong thực tế.

3.2. Cách phân loại và sắp xếp các giai đoạn của ĐTGV. Mỗi quốc gia và khu vực đều có cách

phân loại và sắp xếp các giai đoạn ĐT khác nhau, tuy nhiên về cơ bản tiến trình này gồm có (xem sơ đồ 2):



Sơ đồ 2. Phân loại và sắp xếp các giai đoạn ĐTGV

Việc phân tách các giai đoạn này chỉ mang tính chất tương đối, trên thực tế chúng gối lên nhau và liên kết với nhau một cách chặt chẽ trong một tiến trình ĐT liên tục (Landsheere, 1987).

4. Một số kinh nghiệm quốc tế trong phát triển chương trình và tổ chức ĐTGV

4.1. Kinh nghiệm của Mỹ. CTĐT GV trung học của ĐH Michigan được xếp hạng thứ nhất trong bảng xếp loại các CTĐT GV trung học của Mỹ.

CTĐT GV trung học của Trường GD, ĐH Michigan được chứng nhận bởi Hội đồng Kiểm định ĐTGV (TEAC) của quốc gia, có thời gian ĐT 5 năm bao gồm 1 năm thực tập sau tốt nghiệp, tập trung vào khối kiến thức về các chuyên môn giảng dạy cho chương trình từ lớp 6-12. Xét về mặt tổ chức, chương trình có sự hợp tác giữa Trường GD và các trường khác trong ĐH Michigan: học viên hoàn thành các học phần về sư phạm ở Khoa ĐTGV và các học phần cần thiết khác cho chuyên ngành mình chọn ở các trường trong ĐH Michigan. Đảm bảo các mục tiêu như: Yêu cầu đầu vào, chương trình học, chuẩn đầu ra, tổ chức nhân sự và hợp tác, tổ chức đánh giá.

CTĐT GV của Michigan nhấn mạnh nhất vào việc học viên phải vượt qua kì sát hạch "Michigan Test for Teacher Certification" - là một trong các tiêu chí điều kiện để xét tuyển cấp chứng chỉ GV. Ngoài ra, chương trình còn đưa ra tiêu chí về các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và các tiêu chí về học thuật (hoàn thành học vị cử nhân và điểm trung bình chung học tập).

4.2. Kinh nghiệm của Thụy Điển. Các CTĐT GV của ĐH Stockholm với mục đích đáp ứng các nhu cầu của thị trường lao động, liên kết chặt chẽ và được xây dựng dựa trên các nghiên cứu của trường, cả hai lĩnh vực nghiên cứu và ĐT của trường liên kết chặt với các thực tế của lĩnh vực GD. Tất cả các chương trình đều có ba phần: - Khoa học về chuyên ngành và phương pháp luận sư phạm của chuyên ngành; - Khoa học GD; - Trong thời gian học, học viên sẽ tham gia vào công việc thường nhật tại trường học; học viên có cơ hội đưa các kiến thức lý thuyết của mình

vào sử dụng thực tiễn và tập luyện các kỹ năng quan trọng ở vị trí GV.

Chương trình được tổ chức theo các khoa thành viên (trong một mạng lưới cùng hợp tác thực hiện chương trình). Các khoa này sẽ tổ chức các môn học theo chuyên ngành cho học viên, đồng thời phụ trách các công tác liên quan đến học viên như chương trình học, định hướng, tham vấn cho học viên, chuyển đổi tín chỉ, thực tập... Các khoa này gồm: Khoa Sư phạm Toán và Khoa học; Khoa Sư phạm Ngôn ngữ; Khoa Sư phạm Lịch sử và Tôn giáo; Khoa Khoa học Xã hội và Địa lí.

Tương tự với các cơ sở ĐTGV khác trong khối Bắc Âu, các CTĐT thường có thời lượng 1-2 năm, có thể cấp học vị thạc sĩ, chủ yếu tập trung vào phương pháp dạy học theo từng môn chuyên ngành, thực tập sư phạm và các khoa học GD. Các chương trình này đều yêu cầu học viên đã hoàn thành khối kiến thức về khoa học cơ bản tương ứng với chuyên ngành giảng dạy tại các khoa/trường ĐH khác, yêu cầu cụ thể tùy thuộc cơ sở ĐT. Ở các quốc gia này, chứng chỉ GV được cấp dựa trên điều kiện về số lượng tín chỉ tích lũy độc lập theo từng khối kiến thức cơ bản về chuyên ngành giảng dạy, khối kiến thức sư phạm và thực tập sư phạm.

4.3. Kinh nghiệm của Singapore. Học viện Quốc gia Singapore (NIE) tổ chức ĐTGV dưới ba hình thức: 1) ĐT cử nhân về GD; 2) các CTĐT ban đầu cấp chứng chỉ dạy học cho GV, với cấp THPT có dành cho GD Thể chất, GD Ngôn ngữ bản địa, Mĩ thuật, Nhạc và Kinh tế gia đình; 3) ĐT sau ĐH (điều kiện để xét tuyển cấp chứng chỉ GV).

Ở đây chúng tôi xem xét nhóm chương trình (3) - ĐT sau ĐH - cũng là CTĐT chính thức được Bộ GD Singapore đăng tải trên trang mạng của Bộ. Mục tiêu của các chương trình này là chuẩn bị cho những người đã tốt nghiệp ĐH để trở thành GV. Nói cách khác, theo con đường này, để trở thành GV, người học cần học một chuyên ngành liên quan đến môn học sẽ dạy và sau đó hoàn thành chương trình sau ĐH về ĐTGV. Liên quan đến GV THPT, NIE cung cấp hai CTĐT sau ĐH: CTĐT GV trung học trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng để dạy một tới hai môn tại trường phổ thông; và CTĐT GV cao đẳng, học viên tốt nghiệp có khả năng dạy một môn học tại trường phổ thông. Các chương trình này đều kéo dài 2 năm.

(Xem tiếp trang 141)

Có tới 67,3 % SV cho rằng hình thức này là rất khả thi và khả thi, chỉ có 7,1% đánh giá là không khả thi.

Những SV cho là *khả thi* đưa ra những lí do để giải thích cho lựa chọn của họ bao gồm: - Giúp SV tiếp cận với thực tế bởi vì học ở trường đại học sẽ rất khác so với khi đi dạy ở trường phổ thông; - SV có cơ hội tiếp xúc với GV Địa lí sớm, từ đó sẽ phần nào hiểu được công việc của một GV và yêu cầu của GV đối với SV thực tập, từ đó chuẩn bị tốt hơn cho kì RLNVSP và kì TTSP; - Việc gắn kết thực tế giảng dạy giúp SV điều chỉnh phương pháp học ở trường đại học sao cho phù hợp với yêu cầu của công việc.

Những SV chọn *khó khả thi hoặc không khả thi* cũng có nhiều cách lí giải khác nhau: - Những năm đầu SV chưa học các học phần phương pháp nên chắc chắn sẽ gặp khó khăn khi thực hành kĩ năng sư phạm; - Khối lượng kiến thức SV phải hoàn thành trong năm nhất và hai là khá lớn; cộng với công việc GV phổ thông yêu cầu khi tham gia RLNVSP tại trường sẽ tạo nên áp lực cho các em; - SV các cấp lớp thấp chưa có đủ kiến thức cũng như kĩ năng để chuẩn bị tâm thế của một GV; - Hình thức này chưa mang lại nhiều hiệu quả, bởi nhiều GV ít kinh nghiệm, chưa nhiệt tình giúp đỡ; - Nếu áp dụng cho SV từ năm thứ nhất thì quá trình sẽ kéo dài, có thể gây mệt mỏi cho cả GV hướng dẫn và SV; - Thêm vào đó, việc duy trì 1 môi trường thực hành và GV hướng dẫn cố định trong thời gian dài sẽ giảm tính linh hoạt.

- Với câu hỏi: *Cho biết mức độ mong muốn của anh/chị trong việc tham gia rèn luyện năng lực sư phạm theo hình thức trên? Đã có 86% SV rất mong muốn và mong muốn được phát triển năng lực sư phạm thông qua hình thức gắn kết với GV phổ thông trong suốt quá trình đào tạo. Điều này khẳng định nhu cầu thực tế và cấp thiết của người học đối với việc thay đổi cách thức RLNVSP.*

Từ những phân tích lí thuyết và thực tiễn kết hợp với kết quả khảo sát, cho phép tác giả rút ra một số kết luận sau: *Thứ nhất*, cần thiết phải cải tiến quy chế RLNVSP và TTSP theo định hướng phát triển năng lực cho SV dựa trên quan điểm dạy học tích hợp và những mô hình học tập trải nghiệm. *Thứ hai*, đa dạng hóa các cách thức RLNVSP cho SV trong điều kiện hiện nay đã mang lại nhiều hiệu quả theo chiều hướng tích cực. *Thứ ba*, mô hình đội ngũ GV cộng tác hỗ trợ SV phát triển năng lực sư phạm đáp ứng được nhu cầu của người học, tuy nhiên cần được xây dựng và tổ chức một cách khoa học và chặt chẽ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT. Dự án Việt - Bỉ (2010). *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Thị Thu Hằng (2009). *Về thực tập sư phạm của sinh viên hệ sư phạm Trường đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 25, tr 51-56.
- [3] Phạm Trung Thành - Nguyễn Thị Lý (2009). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Trần Thị Thanh Thủy (2013). *Rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên sư phạm Địa lí bằng phương pháp dạy học vi mô*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Võ Thị Như Uyên (2015). *Chiến lược học bằng làm trong dạy học kĩ thuật*. Tạp chí khoa học kỉ niệm 45 năm thành lập Khoa Sư phạm Kỹ thuật - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr 89.

Quản lí đào tạo giáo viên...

(Tiếp theo trang 158)

Qua việc nghiên cứu về ĐTGV ở một số nước trên thế giới và kinh nghiệm trong ĐT cũng như xây dựng khung chương trình, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào... cho chúng ta bức tranh khá rõ nét về ĐTGV cũng như kinh nghiệm về ĐTGV, thông qua đó Việt Nam có thể học hỏi từ những kinh nghiệm quốc tế. Đây là một hướng đi phù hợp với thời đại, phù hợp với nền GD nước ta hiện nay trên tinh thần đổi mới theo xu hướng toàn cầu hóa nền GD. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Rasmussen - Jens and Martin Bayer (2014). *Comparative study of teaching content in teacher education programmes in Canada, Denmark, Finland and Singapore*. Journal of Curriculum Studies 46.6 (2014): 798-818.
- [2] Pantić - Nataša. Theo Wubbels and Tim Mainhard (2011). *Teacher competence as a basis for teacher education: comparing views of teachers and teacher educators in five Western Balkan Countries*. Comparative Education Review 55.2 (2011): 165-188.
- [3] Wikman - Tom (2010). *Preparing subject matter teachers for work*. Advancing Quality Cultures for Teacher Education in Europe: Tensions and Opportunities: 209.
- [4] Lundström, Ulf (2010). *The construction of upper secondary teachers in current education reforms*, 183-208.
- [5] Caldwell, B., and D. Sutton (2010). *Review of teacher education and school induction*. Retrieved May 16. From: <http://flyingstart.qld.gov.au/SitecollectionDocuments/review-teacher-education-school-introduction-first-full-report.pdf>.